

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/DS-ST

Ngày: 30-9-2024

*V/v Tranh chấp về hợp đồng tín
dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Rmah HThuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chín

2. Ông Lê Văn Do

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2022 về “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần N1

Địa chỉ: A T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang D-Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Nam N-Chức vụ: Phó trưởng phòng G-Ngân hàng TMCP N1-Chi nhánh B; địa chỉ: B N, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Võ Hữu Đ, sinh năm 1973 và bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Đ, Gia Lai. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đỗ Văn H; địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Bà Phạm Thúy H1; địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

4. Bà Trần Thị L; địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Theo thỏa thuận, Ngân hàng TMCP N1 (*sau đây gọi tắt là Ngân hàng*) đã cho ông Võ Hữu Đ, bà Huỳnh Thị P vay tại các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 808/18/CT trị giá 150.000.000 đồng vào ngày 01-03-2018. Thời gian vay vốn: 11 tháng kể từ ngày rút vốn, Lãi suất 9,3%/năm, *Lãi suất cố định trong thời hạn thực hiện Hợp đồng tín dụng*). Mục đích vay vốn: Làm kinh tế gia đình (mua bán hàng nông sản...);

- Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 4246/18/CT trị giá 1.200.000.000 đồng vào ngày 02-08-2018. Thời gian vay vốn: 11 tháng kể từ ngày rút vốn, Lãi suất 9,3%/năm (*Lãi suất cố định trong thời hạn thực hiện Hợp đồng tín dụng*). Mục đích vay vốn: Làm kinh tế gia đình (mua bán hàng nông sản...);

- Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 97/18/ĐĐ trị giá 1.400.000.000 đồng vào ngày 02-11-2018. Thời gian vay vốn: 11 tháng kể từ ngày rút vốn, Lãi suất 9,3%/năm (*Lãi suất cố định trong thời hạn thực hiện Hợp đồng tín dụng*). Mục đích vay vốn: Làm kinh tế gia đình (mua bán hàng nông sản...);

Để đảm bảo nợ vay tại các hợp đồng tín dụng nêu trên bị đơn đã thế chấp cho nguyên đơn tài sản theo các đồng thế chấp sau:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số:14/09A/NHNT, ngày 14-9-2017; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 20/09A/NHNT, ngày 20-9-2017, theo đó tài sản thế chấp là:

1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BY 546653, gồm thửa đất số 2, số 6, số 7, tờ bản đồ số 14, có tổng diện tích 10.201m², địa chỉ thửa đất thuộc làng H xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai cấp ngày 09/6/2015 cho ông Võ Hữu Đ, sinh năm 1973 và bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1978.

2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BX 135013, gồm thửa đất số 12, số 14, số 16, tờ bản đồ số 14, có tổng diện tích 6014m², địa chỉ thửa đất thuộc làng H xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai cấp ngày 19-12-2014 cho ông Võ Hữu Đ, sinh năm 1973 và bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1978.

Do bị đơn vi phạm cam kết trả nợ gốc và lãi cho nguyên đơn do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và lãi phát sinh đã vay tính đến ngày 30-9-2024 bị đơn còn nợ số tiền 2.837.152.803 đồng (Trong đó, nợ gốc: 1.419.895.840 đồng; nợ lãi: 1.417.256.963 đồng) và yêu cầu bị đơn còn phải tiếp tục trả nợ lãi lãi phát sinh kể cho đến khi thanh toán hết nợ cho nguyên đơn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trường hợp bị đơn vi phạm kỳ hạn thanh toán nợ như đã cam kết nêu trên thì nguyên đơn có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai xử lý tài sản bảo đảm do bị đơn thế chấp nêu trên để thu hồi toàn bộ số tiền nợ chưa trả.

Bị đơn trình bày:

Bị đơn công nhận có vay của nguyên đơn tại các hợp đồng tín dụng như nguyên đơn trình bày nhưng không đồng ý về số tiền gốc và tiền lãi.

Bị đơn công nhận bị đơn còn nợ tiền gốc còn nợ của nguyên đơn số tiền 1.200.000.000 đồng, về tiền lãi bị đơn không còn nợ của nguyên đơn.

Đối với Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất gồm thửa đất số 02, 06, 07, cùng tờ bản đồ số 14; địa chỉ thửa đất tại Làng H, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 546653 do UBND huyện Đ, tỉnh Gia Lai cấp ngày 09/6/2015 mang tên ông Võ Hữu Đ và bà Huỳnh Thị P, bà có ý kiến như sau: bị đơn đã chuyển nhượng toàn

bộ cho ông Nguyễn Văn T vào ngày 10/4/2015, giá chuyển nhượng là 200.000.000 đồng. Tuy nhiên đến ngày 09/6/2015 sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên, bị đơn đã không làm thủ tục chuyển nhượng cho ông T, đến năm 2017 đã thế chấp toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất trên cho Ngân hàng để đảm bảo cho một phần khoản vay tại Ngân hàng TMCP N1 như trên. Nay ông T đã chuyển nhượng toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất trên cho các bên thứ ba như Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 31-8-2022 thì bị đơn đề nghị ông T trả thêm tiền chuyển nhượng vào ngày 04-10-2022, bị đơn rút Giấy chứng nhận tại Ngân hàng ra sang tên chuyển nhượng cho ông T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đỗ Văn H trình bày:

Năm 2019 ông có nhận chuyển nhượng của anh Nguyễn Văn T 01 thửa đất rẫy có diện tích 9000m², nộp kèm giấy sang nhượng bản phô tô. Ông được biết thửa đất ông mua hiện nay, ông Đ và bà P đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP N1. Nay ông có yêu cầu ông Đ và bà P phải trả tiền cho Ngân hàng để sang nhượng diện tích đất cho ông theo quy định.

Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị L và bà Phạm Thúy H1. Tuy nhiên, ông T, bà L và bà H1 không đến Tòa án để cung cấp chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do vậy, những người này không có lời khai tại hồ sơ vụ án.

-Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền phát sinh từ hợp đồng tín dụng. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có nơi cư trú tại thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền thụ lý, giải quyết.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2]. Về nội dung:

Nguyên đơn cho rằng: Ngân hàng TMCP N1 đã cho ông Võ Hữu Đ, bà Huỳnh Thị P vay tại các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 808/18/CT trị giá 150.000.000 đồng vào ngày 01-03-2018. Thời gian vay vốn: 11 tháng kể từ ngày rút vốn, Lãi suất 9,3%/năm *Lãi suất cố định trong thời hạn thực hiện Hợp đồng tín dụng*). Mục đích vay vốn: Làm kinh tế gia đình (mua bán hàng nông sản...);

- Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 4246/18/CT trị giá 1.200.000.000 đồng vào ngày 02-08-2018. Thời gian vay vốn: 11 tháng kể từ ngày rút vốn, Lãi suất 9,3%/năm *(Lãi suất cố định trong thời hạn thực hiện Hợp đồng tín dụng)*. Mục đích vay vốn: Làm kinh tế gia đình (mua bán hàng nông sản...);

- Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 97/18/ĐĐ trị giá 1.400.000.000 đồng vào ngày 02-11-2018. Thời gian vay vốn: 11 tháng kể từ ngày rút vốn, Lãi suất 9,3%/năm (*Lãi suất cố định trong thời hạn thực hiện Hợp đồng tín dụng*). Mục đích vay vốn: Làm kinh tế gia đình (mua bán hàng nông sản...);

Xét, các hợp đồng trên giữa nguyên đơn với bị đơn đã giao kết hợp pháp nên nó phát sinh hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì bị đơn đã không thanh toán đúng hạn các khoản lãi cho Ngân hàng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày 30-9-2024 bị đơn còn nợ số tiền 2.837.152.803 đồng (Trong đó, nợ gốc: 1.419.895.840 đồng; nợ lãi: 1.417.256.963 đồng) và yêu cầu bị đơn còn phải tiếp tục trả nợ lãi phát sinh kể cho đến khi thanh toán hết nợ cho nguyên đơn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận theo các hợp đồng tín dụng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với bị đơn cho rằng chỉ vay 1.200.000.000 đồng theo hai Giấy nhận nợ ngày 15-9-2017 và ngày 20-9-2017 và có cung cấp 01 Giấy nhận nợ (bản phô tô) vào ngày 15-9-2017, tuy nhiên đây là giấy nhận nợ của khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 3383/17/CT. Do vậy, lời khai của bị đơn là không có cơ sở.

Về nội dung bị đơn cho rằng đối với Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất gồm thửa đất số 02, 06, 07, cùng tờ bản đồ số 14; địa chỉ thửa đất tại Làng H, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 546653 do UBND huyện Đ, tỉnh Gia Lai cấp ngày 09-6-2015 mang tên ông Võ Hữu Đ và bà Huỳnh Thị P, bị đơn đã chuyển nhượng toàn bộ cho ông Nguyễn Văn T vào ngày 10-4-2015, giá chuyển nhượng là 200.000.000 đồng.

Tuy nhiên, sau khi tạm ngừng phiên tòa, Tòa án đã ra quyết định yêu cầu bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp chứng để chứng minh nội dung trên và đã nhiều lần triệu tập bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để lấy lời khai, thu thập chứng cứ nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án, không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên là có căn cứ và hợp pháp.

Đối với ông H trình bày là ngày 01-4-2019, ông H và vợ là Phạm Thúy H2 có mua thửa đất tại làng H, xã H của ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị L diện tích 9000m², tuy nhiên thửa đất chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có làm viết giấy sang nhượng đất bằng hình thức viết tay, tuy nhiên ông H không thể cung cấp cho Tòa án Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Giấy bán đất bản gốc được.

Do vậy, lời khai này của bị đơn cũng là không có cơ sở.

[3]. Để đảm bảo nợ vay tại các hợp đồng tín dụng nêu trên bị đơn đã thế chấp cho nguyên đơn tài sản theo các đồng thế chấp sau:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số:14/09A/NHNT, ngày 14-9-2017; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 20/09A/NHNT, ngày 20-9-2017, theo đó tài sản thế chấp là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BY 546653, gồm thửa đất số 2, số 6, số 7, tờ bản đồ số 14, có tổng diện tích 10.201m², địa chỉ thửa đất thuộc làng H xã H,

huyện Đ, tỉnh Gia Lai, do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai cấp ngày 09-6-2015 cho ông Võ Hữu Đ, sinh năm 1973 và bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1978.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BX 135013, gồm thửa đất số 12, số 14, số 16, tờ bản đồ số 14, có tổng diện tích 6014m², địa chỉ thửa đất thuộc làng H xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai cấp ngày 19-12-2014 cho ông Võ Hữu Đ, sinh năm 1973 và bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1978.

Và, đã giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ngân hàng. Do đó, sau khi bị đơn trả nợ xong cho Ngân hàng thì Ngân hàng trả lại cho bị đơn bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên cho bị đơn.

[4]. Xét, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số:14/09A/NHNT, ngày 14-9-2017; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số:20/09A/NHNT, ngày 20-9-2017 thì thấy rằng: Việc thế chấp tài sản thể hiện ý chí của các bên khi giao kết hợp đồng. Mục đích, nội dung, hình thức của hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và đã được công chứng hợp pháp nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành. Do vậy, trường hợp bị đơn không thanh toán được khoản tiền nợ trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[5]. Về án phí và chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 144, 147, 157, 158, 227, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ các Điều 274, 275, 280, 292, 293, 294, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 323, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần N1.

1. Buộc ông Võ Hữu Đ và bà Huỳnh Thị P phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 thông qua chi nhánh Ngân hàng TMCP N1-Chi nhánh B số tiền 2.837.152.803 đồng (Trong đó, nợ gốc: 1.419.895.840 đồng; nợ lãi: 1.417.256.963 đồng) và trả nợ tiền lãi phát sinh từ ngày 01-10-2024 đến ngày ông Võ Hữu Đ và bà Huỳnh Thị P trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Sau khi ông Võ Hữu Đ và bà Huỳnh Thị P trả nợ xong cho Ngân hàng thì Ngân hàng phải trả lại cho ông Đ và bà P bản chính, các giấy tờ sau:

-Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BY 546653 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai cấp ngày 09-6-2015 cho ông Võ Hữu Đ, sinh năm 1973 và bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1978;

-Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BX 135013 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai cấp ngày 19-12-2014 cho ông Võ Hữu Đ, sinh năm 1973 và bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1978.

Trong trường hợp ông Võ Hữu Đ và bà Huỳnh Thị P không trả được hoặc trả không đủ nợ gốc và nợ lãi nêu trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 14/09A/NHNT, ngày 14-9-2017; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 20/09A/NHNT, ngày 20-9-2017, theo đó tài sản thế chấp là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BY 546653, gồm thửa đất số 2, số 6, số 7, tờ bản đồ số 14, có tổng diện tích 10.201m², địa chỉ thửa đất thuộc làng H xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai cấp ngày 09/6/2015 cho ông Võ Hữu Đ, sinh năm 1973 và bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1978.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BX 135013, gồm thửa đất số 12, số 14, số 16, tờ bản đồ số 14, có tổng diện tích 6014m², địa chỉ thửa đất thuộc làng H xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai cấp ngày 19/12/2014 cho ông Võ Hữu Đ, sinh năm 1973 và bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1978.

2. Về án phí: Buộc ông Võ Hữu Đ và bà Huỳnh Thị P phải chịu 88.743.056 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 thông qua chi nhánh Ngân hàng TMCP N1-Chi nhánh B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 40.364.434 đồng theo biên lai thu tiền số 0009643 ngày 05-7-2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

3. Về chi phí tố tụng khác: Ông Võ Hữu Đ và bà Huỳnh Thị P phải chịu số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 34.000.000 đồng. Số tiền này Ngân hàng đã nộp theo Biên bản giao nhận ngày 17-8-2022, do vậy ông Võ Hữu Đ và bà Huỳnh Thị P có nghĩa vụ thanh toán lại số tiền này cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 thông qua chi nhánh Ngân hàng TMCP N1-Chi nhánh B.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân

sự.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Rmah HThuyên